TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Bà Bùi Thúy Mở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 669/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thúy Lệ C ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng; địa chỉ hiện nay: Tổ 16, khu 3, thị trấn C , huyện C , thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thúy Lệ C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thúy Lệ C và anh Phạm Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 đăng ký ngày 15 tháng 5 năm 2006). Sau khi cưới, vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn S , xã A , huyện T , Hải Phòng. Quá trình chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh Đ mắc vào tệ nạn xã hội và có hành vi vi phạm pháp luật về ma túy, không chăm lo cho đời sống gia đình. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Đ .

- Về con chung: Chị C và anh Đ có 01 con chung là Phạm Thị Minh N , sinh ngày 03 tháng 6 năm 2006. Hiện nay chị C đang nuôi con. Khi ly hôn, chị C đề nghị được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị C trình bầy vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2019 anh Phạm Văn Đ trình bầy: Anh Đ và chị C kết hôn với nhau trên cở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy. Chị C có đơn xin ly hôn, anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn với chị C . Anh Đ và chị C có một con chung, anh Đ đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh Đ trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn và đề nghị về con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời khai của chị Bùi Thúy Lệ C tại Tòa án phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung mà chị C đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A . Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy, hiện nay đang bị giam giữ về hành vi vi phạm pháp luật về ma túy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Cháu Phạm Thị Minh N có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Chị C có đủ khả năng, điều kiện nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn Đ cư trú tại xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng; hiện nay do đang bị tạm giam nên anh Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 44 đăng ký ngày 15 tháng 5 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh Đ .

[3]. Về con chung: Chị C và anh Đ có một con chung là là Phạm Thị Minh N , sinh ngày 03 tháng 6 năm 2006. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, chị C đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, anh Đ đồng ý để chị C được trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh Đ trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị C và anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thúy Lệ C được ly hôn anh Phạm Văn Đ
.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thúy Lệ C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Minh N , sinh ngày 03 tháng 6 năm 2006 cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thúy Lệ C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002918 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thúy Lệ C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã A , H.Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy CNKH số 44 ngày 15/5/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý